

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ/TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Thông báo 136/TB-ĐHKTL ngày 28 tháng 6 năm 2021 về kết luận các nội dung thống nhất điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo trình độ đại học năm 2021;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật ngày 25 tháng 8 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này các chương trình đào tạo trình độ đại học (chương trình đào tạo đính kèm).

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học được ban hành theo Quyết định này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế - Luật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, P.Đào tạo.



Nguyễn Tiến Dũng

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO RÀ SOÁT VÀ ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-ĐHKTL ngày 20/9/2021 của Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT		Tên chương trình đào tạo	Khoa quản lý	Ghi chú
Đại trà				
1	401	Kinh tế học	Khoa Kinh tế	
2	402	Kinh tế đối ngoại	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
3	403	Kinh tế và quản lý công	Khoa Kinh tế	
4	404	Tài chính - Ngân hàng	Khoa Tài chính Ngân hàng	
5	405	Kế toán	Khoa kế toán kiểm toán	
6	406	Hệ thống thông tin quản lý	Khoa Hệ thống thông tin	
7	407	Quản trị kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
8	408	Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
9	409	Kiểm toán	Khoa kế toán kiểm toán	
10	410	Marketing	Khoa Quản trị kinh doanh	
11	411	Thương mại điện tử	Khoa Hệ thống thông tin	
12	412	Ngân hàng	Khoa Tài chính Ngân hàng	
13	413	Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính	Khoa Toán Kinh tế	
14	414	Công nghệ tài chính	Khoa Tài chính Ngân hàng	
15	415	Quản trị du lịch và lữ hành	Khoa Quản trị kinh doanh	
16	501	Luật kinh doanh	Khoa Luật Kinh tế	
17	502	Luật thương mại quốc tế	Khoa Luật Kinh tế	
18	503	Luật dân sự	Khoa Luật	
19	504	Luật tài chính ngân hàng	Khoa Luật	
Chất lượng cao				
20	401C	Kinh tế học chất lượng cao	Khoa Kinh tế	
21	402C	Kinh tế đối ngoại chất lượng cao	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
22	403C	Kinh tế và quản lý công chất lượng cao	Khoa Kinh tế	
23	404C	Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao	Khoa Tài chính Ngân hàng	
24	405C	Kế toán chất lượng cao	Khoa kế toán kiểm toán	
25	406C	Hệ thống thông tin quản lý chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	
26	407C	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	Khoa Quản trị kinh doanh	
27	408C	Kinh doanh quốc tế chất lượng cao	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
28	409C	Kiểm toán chất lượng cao	Khoa kế toán kiểm toán	
29	410C	Marketing chất lượng cao	Khoa Quản trị kinh doanh	
30	411C	Thương mại điện tử chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	
31	413C	Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính chất lượng cao	Khoa Toán Kinh tế	
32	414C	Công nghệ tài chính chất lượng cao	Khoa Tài chính Ngân hàng	
33	416C	Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo chất lượng cao	Khoa Hệ thống thông tin	

Handwritten signature/initials

34	501C	Luật kinh doanh chất lượng cao	Khoa Luật Kinh tế	
35	502C	Luật thương mại quốc tế chất lượng cao	Khoa Luật Kinh tế	
36	503C	Luật dân sự chất lượng cao	Khoa Luật	
37	504C	Luật tài chính ngân hàng chất lượng cao	Khoa Luật	
Chất lượng cao bằng tiếng Anh				
38	404CA	Tài chính - Ngân hàng chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Tài chính Ngân hàng	
39	405CA	Kế toán chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa kế toán kiểm toán	
40	407CA	Quản trị kinh doanh chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Quản trị kinh doanh	
41	408CA	Kinh doanh quốc tế chất lượng cao bằng tiếng Anh	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
Chất lượng cao bằng tiếng Pháp				
42	504CP	Luật tài chính ngân hàng chất lượng cao tăng cường Tiếng Pháp	Khoa Luật	
Song ngành các Trường thành viên ĐHQG-HCM				
43	402SN	Kinh tế đối ngoại/Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế Đối ngoại	
44	407SN	Quản trị sinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	
45	501SN	Luật Kinh tế	Khoa Luật Kinh tế	

Tổng cộng: 45 chương trình

HỒ CHÍ MINH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ...
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh Tế - Luật)

Tên chương trình: **KINH DOANH QUỐC TẾ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **KINH DOANH QUỐC TẾ**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

Mã ngành đào tạo: **7340120**

Phụ trách bộ môn: **ThS. Ngô Thanh Trà**

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung: Mục tiêu chung của chương trình nhằm đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, không chỉ có kiến thức vững vàng về những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực kinh tế nói chung mà còn sự hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực kinh doanh quốc tế nói riêng. Ngoài ra, người học còn được trang bị những kỹ năng, phẩm chất cần thiết để có thể thích ứng, nhạy bén và tự tin trước những thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu. Bằng cách cung cấp những trải nghiệm học tập khác nhau trong và ngoài lớp học, người học được khuyến khích phát triển kỹ năng tư duy toàn cầu, có trải nghiệm học tập hiệu quả tại UEL để trở thành nền tảng của học tập suốt đời.

Mục tiêu cụ thể:

- *Kiến thức cơ bản theo chiều rộng:* sinh viên hiểu biết về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học pháp lý, khoa học kinh tế để có thể áp dụng kiến thức thành công trong nhiều lĩnh vực và các vị trí tuyển dụng.
- *Kiến thức chuyên sâu:* sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về Kinh tế, kinh doanh và chuyên sâu về Kinh doanh quốc tế để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động hoặc tiếp tục học ở bậc sau đại học.
- *Tính chuyên nghiệp:* trang bị cho sinh viên những kỹ năng chuyên môn và các kỹ năng mềm để thích nghi cao với những thách thức của thế kỉ 21.
- *Phẩm chất cá nhân & kỹ năng tiếng Anh:* trang bị cho sinh viên có đạo đức nghề nghiệp, thái độ đúng đắn, khả năng học tập và tự học suốt đời. Đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng

tiếng Anh thông qua các hoạt động học tập, nghiên cứu, sinh hoạt ngoại khóa... nhằm đảm bảo sinh viên sẵn sàng làm việc trong môi trường toàn cầu.

2. Chuẩn đầu ra

TT	Mức độ	Chuẩn đầu ra
1		Kiến thức và lập luận ngành
1.1	(3)	Áp dụng kiến thức cơ bản khối ngành kinh tế, quản lý để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý.
1.2	(3)	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế trong bối cảnh đa dạng.
1.3	(3)	Áp dụng kiến thức chuyên ngành kinh doanh quốc tế để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế trong bối cảnh đa dạng.
2		Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp
2.1	(3)	Thể hiện khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu, thông tin để giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh hiệu quả.
2.2	(3)	Có khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức.
2.3	(3)	Có khả năng tư duy phản biện và tư duy hệ thống trong nhiều bối cảnh kinh doanh khác nhau.
2.4	(3)	Có thái độ tự tưởng đúng đắn và khả năng học tập suốt đời.
2.5	(3)	Có đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác đối với cộng đồng.
3		Làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp
3.1	(3)	Có khả năng làm việc với người khác trong các bối cảnh kinh doanh và nghề nghiệp khác nhau.
3.2	(3)	Có khả năng giao tiếp trong các bối cảnh khác nhau.
3.3	(3)	Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ (Chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương TOEIC 550).
4		Năng lực thực hành nghề nghiệp
4.1	(2)	Hiểu rõ bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường.
4.2	(3)	Hiểu rõ bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế.
4.3	(3)	Hình thành ý tưởng kinh doanh quốc tế.
4.4	(3)	Thiết kế dự án kinh doanh quốc tế.

¹ Bloom's Scale

4.5	(4)	Đánh giá dự án kinh doanh quốc tế.
4.6	(4)	Hoàn thiện dự án kinh doanh quốc tế.

3. Ma trận chuẩn đầu ra – môn học

	Môn học	Số tín chỉ	Kiến thức			Thái độ					Kỹ năng			Năng lực nghề nghiệp					
			1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	3.3	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	4.6
	Ngoại ngữ	20										ITU	ITU						
HK1	Triết học Mác-Lênin	3	IT ₃ U					I	IT ₁			I							
	Toán cao cấp	5	IT ₃ U								IT ₁	T ₁							
	Giới thiệu ngành KDQT	3		IT ₃ U		IT ₁	IT ₁			IT ₂	T ₃	T ₂		IT ₁	IT ₁	IT ₁	IT ₁	IT ₁	IT ₁
	Kinh tế vi mô 1	3	IT ₃ U					I	IT ₁	T ₂		I							
	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	IT ₃ U					IT ₁				T ₁							
	Môn tự chọn	2	IT ₃ U																
HK2	Luật doanh nghiệp	3	IT ₃ U			T ₂	T ₂	T ₁								T ₂			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	IT ₃ U																
	Kinh tế vĩ mô 1	3	IT ₃ U						T ₂			U						T ₁	
	Nguyên lý kế toán	3	IT ₃ U							T ₃				T ₂				U	
	Quản trị học căn bản	3	IT ₃ U							T ₂					T ₂				
	Lý thuyết xác suất	2	IT ₃ U						T ₃								T ₂		
	Môn tự chọn 1	2	IT ₃ U																
	Môn tự chọn 2	2	IT ₃ U									T ₃							
	Giáo dục thể chất	3																	
	Giáo dục QP (4 tuần)	165t																	
HK3	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2	IT ₃ U							U		U							
	Kế toán tài chính	3		IT ₃ U			T ₂		U			U		U				T ₂	
	Marketing căn bản	3		IT ₃ U		U			T ₂			U				T ₂			T ₂
	Nguyên lý thị trường tài chính	3		IT ₃ U		U	T ₃	T ₂		T ₃									
	Thống kê ứng dụng	3		IT ₃ U					T ₃							IT ₁			
	Môn tự chọn 1	2		IT ₃ U															
	Môn tự chọn 2	2		IT ₃ U															
HK4	Lịch sử Đảng CSVN	2	IT ₃ U			T ₃	U	U					T ₂						
	Kinh tế học quốc tế	2		IT ₃ U															

	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		IT ₃ U						T ₂				U		T ₃			T ₂
	Tài chính doanh nghiệp	3		IT ₃ U				T ₃	U	U	T ₃	T ₃						T ₃	U
	Chính sách tài chính quốc tế	3			IT ₃ U						T ₂		U						
	Kinh doanh quốc tế	4			IT ₃ U														
	Môn tự chọn 1	3	IT ₃ U																
	Môn tự chọn 2	3	IT ₃ U									T ₃							
HK 5	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3			IT ₃ U			T ₂		U		T ₂		T ₃					
	Chủ nghĩa XHKH	2	IT ₃ U																
	Quản trị chuỗi cung ứng	4		IT ₃ U							T ₂								T ₃
	Luật thương mại quốc tế	3			IT ₄ U				T ₃										T ₃
	Thanh toán quốc tế	3			IT ₃ U					U	IT ₂			T ₃					T ₄
	Môn học tự chọn chuyên sâu 1	3			IT ₃ U														
	Môn học tự chọn chuyên sâu 2	3			IT ₃ U														
HK6	Chính sách tài chính quốc tế	3			IT ₄ U				T ₃			IT ₂			T ₃	IT ₁			U
	Thẩm định và Quản trị dự án đầu tư	4			IT ₄ U		T ₃		U	T ₃		U		U				U	U
	Quản trị mua hàng toàn cầu	3			IT ₃ U														T ₃
	Kiến tập	2			IT ₃ U			U			U		U	U				U	U
	Môn học tự chọn chuyên sâu 1	3			IT ₃ U														
	Môn học tự chọn chuyên sâu 2	3			IT ₃ U														
HK7	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	4			IT ₄ U							U						U	U
	Nghiên cứu thị trường	3			IT ₃ U				U			T ₃							U
	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3			IT ₃ U		T ₄		U										U
HK8	Thực tập tốt nghiệp	4	U	U	U			U	U	U		U	U	U		U	U	U	U
	Khóa luận tốt nghiệp (Đối với SV làm khóa luận TN)	4	U	U	U		U	U	U	U			U	U		U	U	U	U
	Chuyên môn cuối khoá 1: Đầu tư quốc tế (Với SV không làm khóa luận)	2			IT ₃ U	U			U	U		U		U				U	U

Chuyên môn cuối khoá 2: Khởi nghiệp kinh doanh QT (Với SV không làm khóa luận)	2			IT ₃ U	U		U			U		U	U	U	U
--	---	--	--	-------------------	---	--	---	--	--	---	--	---	---	---	---

4. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có đủ năng lực làm việc trong các tổ chức sau:

- Các doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh quốc tế
- Các công ty đa quốc gia
- Các công ty, tổ chức nghiên cứu, tư vấn về thị trường, tài chính – đầu tư quốc tế

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (không kể phần kiến thức: ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng).

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành				
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành	Cơ sở nhóm ngành	Ngành/chuyên ngành	Kiến tập, Thực tập TN & Khóa luận TN/môn chuyên môn cuối khoá
Đại học	4 năm	130	36	94	20	12	52	10

7. Đối tượng tuyển sinh

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: A, A1 và D1

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học hiện hành của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế - Luật.

8.1. Quy trình đào tạo

Học chế đào tạo: theo hệ thống tín chỉ

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục cơ bản: Học kỳ 1, Học kỳ 2, Học kỳ 3
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành, nhóm ngành: Học kỳ 3
- Khối kiến thức ngành: Học kỳ 5, Học kỳ 6, Học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học Chuyên r

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp;
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo (gồm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, thi các môn chuyên môn thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp), không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của ĐHQG-HCM và của trường (trừ trường hợp các lưu học sinh nước ngoài tuân theo Quy chế Công tác người nước ngoài học tại Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 33/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 25 tháng 8 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT);
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

9. **Thang điểm:** Sử dụng thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

10. Nội dung chương trình

10.1 Khối kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1.1	Lý luận chính trị Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ		11	11		
Môn học bắt buộc (11 TC)			11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3		
2	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
3	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
5	ECO1051	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		
1.2	Khoa học xã hội: 4 tín chỉ		4	4		
Môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1105	Văn hóa học	2	2		3 chọn 1
2	GEN1106	Xã hội học	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2	2		3 chọn 1
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế	2	2		

6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		
1.3	Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ		4	4		
Môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1101	Tâm lý học	2	2		3 chọn 1
2	GEN1102	Nhập môn giao tiếp	2	2		
3	ECO1033	Nhân học đại cương	2	2		
4	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2		2 chọn 1
5	GEN1112	Nghiệp vụ hành chính văn phòng	2	2		
1.4	Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ		6	6		
Môn học bắt buộc (6 TC)			6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		
1.5	Khoa học tự nhiên: 2 tín chỉ		2	2		
Môn học tự chọn: (2 TC)			2	2		
1	GEN1107	Logic học	2	2		3 chọn 1
2	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	2	2		
3	ECO1060	Kinh tế số	2	2		
1.6	Khoa học kinh tế: 9 tín chỉ		9	9		
Môn học bắt buộc (9 TC)			9	9		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
1.7	Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ					
1.8	Giáo dục thể chất: 6 tín chỉ		6			
1.9	Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (4 tuần), tương ứng 5 tín chỉ.		5			

10.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94 tín chỉ

10.2.1. Khối kiến thức cơ sở của khối ngành (Kinh tế & Kinh doanh): 20 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn học bắt buộc (20 TC)			20	17	3	
1	MAT1101	Toán cao cấp	3	3		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		

3	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2	1	1	
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	2	1	
5	FIN1102	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	2	1	
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2		
8	COM1001	Kinh tế quốc tế	2	2		

10.2.2. Khối kiến thức chung nhóm ngành (Kinh doanh): 12 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn học bắt buộc (9 TC)			9	9		
1	MAT1110	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	3		
2	FIN1103	Quản trị tài chính (Tài chính Doanh nghiệp)	3	3		
3	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3		
Môn học tự chọn (3 TC)			3	3		
1	BUS1125	Mô hình kinh doanh số	3	3		
2	MAT1004	Kinh tế lượng	3	3		

10.2.3. Khối kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất): 52 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Môn học bắt buộc (37 TC)			37	30	7	-
1	COM1003	Giới thiệu ngành KDQT	3	2	1	
2	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4	3	1	
3	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	3	3		
4	COM1012	Thanh toán quốc tế	3	3		
5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3	3		
6	COM1024	Quản trị chuỗi cung ứng (4 TC)	4	3	1	

7	COM1029	Thẩm định & Quản trị dự án đầu tư	4	3	1	
8	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	2	1	
9	COM1008	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (4 TC)	4	3	1	
10	BUS1211	Nghiên cứu thị trường	3	2	1	
11	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3		
Môn học tự chọn (15 TC)			15			
1	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3			3 chọn 1
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3			
3	COM1036	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3			4 chọn 2
5	COM1014	Quản trị nhân sự quốc tế	3			
6	BUS1213	Marketing quốc tế	3			
7	MIS1034	Thương mại điện tử	3			
8	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	3			4 chọn 2
9	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3			
10	BUS1105	Quản trị chiến lược	3			
11	COM1021	Quản lý kho hàng và phân phối	3			

10.2.4. Khối kiến thức kiến tập, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp hoặc môn chuyên môn cuối khóa: 10 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Học phần bắt buộc: 4 TC			6		6	
1	COM1030	Kiến tập	2		2	
2	COM1031	Thực tập cuối khóa	4		4	
Học phần tự chọn: 4 TC						
1	COM1041	Khóa luận tốt nghiệp	4		4	

2	COM1015	Chuyên môn cuối khoá 1: Đầu tư quốc tế (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	2	2		
	COM1040	Chuyên môn cuối khoá 2: Khởi nghiệp kinh doanh quốc tế (Đối với SV không làm khoá luận tốt nghiệp)	2	2		

Ghi chú:

- Tất cả sinh viên đều phải đi kiến tập, thực tập chuyên môn cuối khóa và hoàn tất báo cáo kiến tập, báo cáo thực tập, tương đương 6 TC.
- Học phần kiến tập sẽ tổ chức vào cuối học kỳ 6, trong thời gian hè.
- Sinh viên chọn làm Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn học phần chuyên môn (4 tín chỉ) trong học kỳ 8. Khóa luận tốt nghiệp sẽ bảo vệ trước Hội đồng.

10.2.5. Khối kiến ngoại ngữ: 20 tín chỉ

TT	MÃ MÔN HỌC	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	EN01	Tiếng Anh tổng quát 1	5	4	1		Đầu vào B1.2 (tương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 316 - 400)
2	EN02	Tiếng Anh tổng quát 2	5	4	1		Đầu vào B1.3 (tương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 401 - 475)
3	EN03	Tiếng Anh TOEIC 1 (4 kỹ năng)	5	4	1		Đầu vào B1.4 (tương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 476 - 550)
4	EN04	Tiếng Anh TOEIC 2 (4 kỹ năng)	5	4	1		Đầu vào B2.1 (tương đương TOEIC 2 kỹ năng nghe đọc: 551 - 670)

Sinh viên sẽ được miễn tiếng Anh khi có chứng chỉ quốc tế đáp ứng chuẩn đầu ra hoặc đạt trên 670 điểm chứng chỉ TOEIC quốc tế.

10.2.6. Kiến thức ngành thứ hai

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

T T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3	3			COM1001
2	COM1011	Logistics	3	3			MAT1103
3	COM1032	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	3	3			
5	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
6	COM1012	Thanh toán quốc tế	3	3			COM1007

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

T T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
--------	-------	---------	---------	----------------------

			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	3			COM102 2 hoặc COM102 4
2	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4	4			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1024	Quản trị chuỗi cung ứng	4	4			MAT110 3
5	COM1040	Khởi nghiệp Kinh doanh quốc tế	2	2			
6	COM1029	Thẩm định & Quản trị dự án đầu tư	4	4			ACC1013 BUS1100
7	COM1008	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	4	4			

Chương trình giáo dục: Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Tài chính							
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
Ngân hàng							
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)

(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

T T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2	3	3			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		

Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
4	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

T T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1: E-Marketing							
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
2	MIS1040	Marketing điện tử	3	3			
3	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
4	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
Nhóm 2: Quản trị TMĐT và Chuyển đổi số							
1	MIS1107	Quản trị chuyển đổi số	3	3			
2	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
3	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
4	MIS1102	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	3			

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				

4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3	Chọn 1 trong 2 môn		
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3			
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3			
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3			

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103

5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113
---	---------	--	---	---	--	--	--

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

TT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

11. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ

TT	Mã MH	MÔN HỌC	Số tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		HỌC KỲ 1	17				
		Môn học bắt buộc	15				
1	COM1003	Giới thiệu ngành Kinh doanh quốc tế	3		2	1	
2	GEN1007	Triết học Mác-Lênin	3		3		
3	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3		3		

4	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3		3			
5	MAT1101	Toán cao cấp (3TC)	3		3			
		Môn học tự chọn	2					
6	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 chọn 1	2	2			
7	GEN1102	Nhập môn giao tiếp		2	2			
8	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2			
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1		3	3			
		HỌC KỲ 2	20					
		Môn học bắt buộc	16					
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3		3			LAW1001
2	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2			
3	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3		3			ECO1001
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3		3			
5	BUS1100	Quản trị học căn bản	3		3			
6	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2		2			MAT1101
		Môn học tự chọn	4		4			
7	GEN1103	Địa chính trị thế giới	3 chọn 1	2	2			
8	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
9	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2			
10	GEN1105	Văn hóa học	3 chọn 1	2	2			
11	GEN1106	Xã hội học		2	2			
12	GEN1110	Cơ sở văn hoá Việt Nam		2	2			
13	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		3	3			
14	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				
		HỌC KỲ 3	17					
		Môn học bắt buộc	13		14			
1	ECO1051	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2			
2	ACC1023	Kế toán tài chính	3		3			ACC1013 LAW1501
3	BUS1200	Marketing căn bản	3		3			
4	FIN1102	Nguyên lý thị trường tài chính	3		3			
5	MAT1103	Thống kê ứng dụng	2		2			MAT1002
		Môn học tự chọn	4					
6	BUS1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2			

7	GEN1112	Nghệp vụ hành chính văn phòng	2 chọn 1	2	2			
8	MIS1105	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	3 chọn 1	2	2			
9	GEN1107	Logic học		2	2			
10	ECO1060	Kinh tế số		2	2			
		HỌC KỲ 4	19					
		Môn học bắt buộc	13					
1	GEN1009	Lịch sử Đảng CSVN	2		2			
2	COM1001	Kinh tế quốc tế	2		2			ECO1001
3	FIN1103	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	3		3		FIN1101	
4	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2		1	1		
5	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4		3	1		
		Môn học tự chọn	6					
6	COM1042	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 chọn 1	3				MAT1103
8	MIS1034	Thương mại điện tử		3				
9	COM1036	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá		3	3			
9	MAT1004	Kinh tế lượng	2 chọn 1	3	3			MAT1103
10	BUS1125	Mô hình kinh doanh số		3	3			
		HỌC KỲ 5	21					
		Môn học bắt buộc	15					
1	LAW1518	Luật thương mại quốc tế	3		3			
2	GEN1010	Chủ nghĩa XHKH	2		2			
3	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3		3			COM1001
4	MAT1110	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3		3			
5	COM1024	Quản trị chuỗi cung ứng	4					MAT1103
		Môn học tự chọn chuyên sâu	6					
6	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	4 chọn 2	3	3			
7	COM1014	Quản trị nhân sự quốc tế		3	3			
8	BUS1213	Marketing quốc tế		3	3			

9	LAW150 4	Luật sở hữu trí tuệ		3	3			
		HỌC KỲ 6	18					
		Môn học bắt buộc	12					
1	COM1012	Thanh toán quốc tế	3		3			COM1007
2	COM1029	Thẩm định và Quản trị dự án đầu tư	4		3	1		ACC1013 BUS1100
3	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3		3			COM1022 hoặc COM1024
4	COM1030	Kiến tập	2			2		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	6					
5	COM1023	Quản trị xuất nhập khẩu	4 chọn 2	3	2	1		
6	COM1020	Quản trị đa văn hoá		3				BUS1100
7	BUS1105	Quản trị chiến lược		3				
8	COM1021	Quản lý kho hàng và phân phối		3	3			COM1022 hoặc COM1024
		HỌC KỲ 7	10					
		Môn học bắt buộc	10					
1	COM1008	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	4		3	1		
2	BUS1211	Nghiên cứu thị trường	3				BUS1200	
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3		3			
		HỌC KỲ 8	8					
		Môn học bắt buộc	4		4			
1	COM1031	Thực tập tốt nghiệp	4					COM1030
		Môn học tự chọn chuyên sâu	4					
		Đối với SV làm Khóa luận TN		4		4		
2	COM1041	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>						COM1031
		Đối với SV không làm Khóa luận TN		4	3	1		
3	COM1015	<i>Đầu tư quốc tế (Chuyên môn cuối khoá 1)</i>		2	2			
4	COM1040	<i>Khởi nghiệp KDQT (Chuyên môn cuối khoá 2)</i>		2	1	1		

		TỔNG	130				
--	--	-------------	------------	--	--	--	--

12. Danh sách các môn học chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh và trợ giảng trong chương trình:

12.1 Danh sách các môn học chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Giảng dạy song ngữ	Hoàn toàn tiếng Anh
1	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4	x	
2	BUS1211	Nghiên cứu thị trường	3	x	
3	COM1024	Quản trị chuỗi cung ứng	4	x	
4	COM1033	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	x	
5	COM1029	Thẩm định & Quản trị dự án đầu tư	4	x	
		Tổng cộng	18		
		% CTĐT	13.85%		
		% ngành và chuyên ngành (94 TC)	19.15%		

12.2 Danh sách các môn học chuyên ngành sử dụng trợ giảng

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Có trợ giảng
1	COM1035	Kinh doanh quốc tế	4	x
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	3	x
3	COM1008	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	4	x
4	BUS1211	Nghiên cứu thị trường	3	x
5	COM1007	Chính sách tài chính quốc tế	3	x
		Tổng cộng	17	
		% CTĐT	13.08%	
		% ngành và chuyên ngành (94TC)	18.09%	

13. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

1. Môn học: TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải được trang bị kiến thức chung về khoa học xã hội.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.

2. Môn học: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn Những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Nội dung môn học: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.

3. Môn học: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có hiểu biết về những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

Nội dung môn học: Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...). Môn học cũng củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

4. Môn học: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học bao gồm những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

5. Môn học: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng

về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.

6. Môn học: VĂN HOÁ HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng cơ bản và tổng quan về văn hóa; những kiến thức về văn hóa của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử, những nét văn hóa đặc sắc của phương Đông lẫn phương Tây.

7. Môn học: XÃ HỘI HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học nhằm cung cấp cho người học các khái niệm của xã hội học và 2 cách tiếp cận vĩ mô và vi mô của xã hội học; Liên hệ các khái niệm cơ bản của xã hội học vào việc giải thích cấu trúc xã hội và tương tác xã hội; Áp dụng hai cách tiếp cận của lý thuyết vào việc giải thích sự liên kết, tính đồng nhất cũng như sự khác biệt giữa các cá nhân, các nhóm và các tổ chức xã hội.

8. Môn học: CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các khái niệm, thuật ngữ khoa học liên quan đến văn hoá và văn hoá Việt Nam, các vấn đề về văn hoá nhận thức của người Việt; văn hoá tổ chức đời sống (cá nhân và tập thể), văn hoá ứng xử (với tự nhiên và xã hội).

9. Môn học: ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, qua đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.

10. Môn học: QUAN HỆ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở về quan hệ quốc tế như đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các loại hình chủ thể quan hệ quốc tế và động lực

tham gia quan hệ quốc tế của chúng, các công cụ được sử dụng trong quan hệ quốc tế, hệ thống quốc tế, những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động tới quan hệ quốc tế, các hình thức và tính chất chủ yếu của quan hệ quốc tế như xung đột và chiến tranh hay hợp tác và hội nhập... Môn học cũng giới thiệu quá trình hình thành và phát triển môn học, các lý thuyết quan hệ quốc tế chủ yếu, những vấn đề lý luận và các quan niệm khác nhau về từng vấn đề trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Qua đó, môn học trang bị cơ sở lý luận và những phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế, giúp sinh viên có khả năng phân tích các hiện tượng và vấn đề khác nhau trong thực tiễn quan hệ quốc tế.

11. Môn học: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người, cho người học có những kiến thức cơ bản và hệ thống về những nền văn minh thời cổ trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á) và phương Tây (Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu) và nền văn minh công nghiệp thời cận hiện đại.

12. Môn học: TÂM LÝ HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các vấn đề tổng quan của tâm lý học như bản chất của tâm lý học; sự hình thành và phát triển của tâm lý; các hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

13. Môn học: NHẬP MÔN GIAO TIẾP

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên khái niệm về giao tiếp và quá trình giao tiếp cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết để đạt được hiệu quả trong giao tiếp.

14. Môn học: NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về đối tượng, quan điểm, khái niệm và thuật ngữ chuyên ngành nhân học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu trong nhân học; các kiến thức về nguồn gốc, sự tiến hoá của loài người và các chủng tộc trên thế giới, quá trình tộc người và các tiêu chí xác định tộc người. Ngoài ra, sinh viên được tiếp cận với các vấn đề khác của đời sống con người như: hôn nhân và gia đình, các vấn đề về kinh tế, ngôn ngữ, văn hoá, tôn giáo, phân tầng xã hội dưới góc độ tiếp cận của nhân học.

15. Môn học: KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về làm việc nhóm để duy trì tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Kết thúc môn học, sinh viên sẽ có được khả năng vận dụng các lý thuyết cơ bản trong làm việc nhóm để lập luận và giải quyết các vấn đề phát sinh trong nhóm và trong kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ biết cách thành lập, xây dựng và phát triển nhóm. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện và phát huy các kỹ năng làm việc nhóm như: Kỹ năng thành lập nhóm làm việc hiệu quả, vận hành nhóm, phát triển nhóm, lãnh đạo nhóm, kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau. Bên cạnh đó, sinh viên còn được thực hành một số kỹ năng như kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp...

16. Môn học: NGHIỆP VỤ HÀNH CHÍNH VĂN PHÒNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên cả kiến thức, kỹ năng tổ chức các cuộc họp, hội nghị và các chuyến đi công tác; thực hành quản trị thời gian, quản trị thông tin, phân loại các loại văn bản, lưu trữ hồ sơ; biết thực hiện các thao tác trong tiếp khách và gọi điện thoại.

17. Môn học: LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC & PHÁP LUẬT (PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG)

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật của Việt Nam, các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay cũng như vấn đề trách nhiệm thực hiện pháp luật của công dân và xử lý vi phạm. Qua đó giáo dục cho sinh viên ý thức trách nhiệm về chấp hành pháp luật của Đảng và nhà nước.

18. Môn học: LUẬT DOANH NGHIỆP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong môn Pháp luật đại cương.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp, đồng thời phân biệt được các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo luật kinh tế.

19. Môn học: LOGIC HỌC

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về vai trò của logic học trong cuộc sống cũng như tìm hiểu các hình thức, nguyên tắc, quy luật cơ bản của tư duy như phán đoán, suy luận, luật nhân quả, luật triệt tam... Những kiến thức về logic học sẽ tạo điều kiện cho người học vận dụng liên kết trong đánh giá các hiện tượng và quá trình kinh tế.

20. Môn học: CHUYỂN ĐỔI SỐ & TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong kinh tế, kinh doanh và quản lý, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý.

21. Môn học: KINH TẾ SỐ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản, các hình thái và đo lường kinh tế số; thực trạng ứng dụng trong các lĩnh vực nhất định của nền kinh tế và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế số. Kết thúc môn học, người học cần hiểu và áp dụng những vấn đề cơ bản của kinh tế số, như khái niệm, các hình thái, biểu hiện của kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định; phân tích, đánh giá kinh tế số thông qua các chỉ tiêu đo lường kinh tế; áp dụng các kiến thức về kinh tế số trong các lĩnh vực nhất định để tự trang bị thêm kiến thức, xu hướng và nhận thức thực tiễn.

22. Môn học: KINH TẾ VI MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức toán cơ bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Giúp sinh viên hiểu được hành vi của các doanh nghiệp, các cá nhân trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng; Tạo cho sinh viên cách thức phân tích và mô tả các hoạt động kinh tế, ứng dụng các kỹ thuật thống kê và toán kinh tế, các lý thuyết để xây dựng các mô hình kinh tế

23. Môn học: KINH TẾ VĨ MÔ 1

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức toán cơ bản, kinh tế vi mô.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết, nguyên lý cơ bản về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của chính phủ; Giúp sinh viên nắm được những công cụ chính sách kinh tế vĩ mô để điều tiết và ổn định hoá nền kinh tế.

24. Môn học: QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên nắm kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về chức năng và vai trò của một nhà quản trị, phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố trong môi trường nội sinh và môi trường ngoại sinh đến việc ra quyết định của nhà quản trị, cách thức hoạch định, tổ chức và ra quyết định của nhà quản trị. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức cơ bản này vào một số lĩnh vực quản trị cơ bản như quản trị nguồn nhân lực, quản trị thông tin.

25. Môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Thời lượng: 5 tín chỉ

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc và phương pháp luyện tập thể dục thể thao và tác dụng của việc luyện tập này đối với sự phát triển của cơ thể; các kỹ thuật và các luật qui định đối với một số môn thể thao như chạy cự ly trung bình, bóng chuyền,...

26. Môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Thời lượng: 8 tín chỉ (165 tiết)

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của một quốc gia, các kỹ thuật và chiến thuật cơ bản trong quân sự, và vai trò của chính trị quân sự trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Kết thúc môn học, sinh viên nâng cao nhận thức về vấn đề an ninh quốc phòng và có ý thức trong việc bảo vệ an ninh quốc gia.

27. Môn học: TOÁN CAO CẤP

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: nắm vững những kiến thức toán phổ thông căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các công cụ toán học về vi phân, tích phân, ma trận, định thức làm cơ sở để ứng dụng trong tính toán và phân tích các mô hình toán kinh tế.

28. Môn học: LÝ THUYẾT XÁC SUẤT

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong các môn Toán cao cấp

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên các phương pháp thống kê cơ bản, phân tích được các chỉ số thống kê được áp dụng trong một số môn học định lượng, đồng thời, sinh viên có thể vận dụng được các phương pháp thống kê và phân tích này vào các nghiên cứu về kinh tế - xã hội.

29. Môn học: THỐNG KÊ ỨNG DỤNG

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức những môn học Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất

Nội dung môn học: Môn học cung cấp một cách có hệ thống về lý thuyết và áp dụng thực tế các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập; áp dụng các phương pháp phân tích kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.

30. Môn học: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc kế toán căn bản, các vấn đề liên quan đến sổ sách và chứng từ kế toán, phương pháp kế toán quá trình sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản này để lập các bảng báo cáo kế toán như bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.

31. Môn học: NGUYÊN LÝ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức tổng quát về thị trường tài chính, các chủ thể tham gia thị trường cũng như các công cụ/hàng hóa của thị trường. Học viên cũng được cung cấp cơ sở lý thuyết cho các vấn đề liên quan như quản lý thị trường, bảo vệ nhà đầu tư, tác động/vai trò của thị trường tài chính trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, học viên có những đánh giá, nghiên cứu thực tiễn thị trường tài chính, các tổ chức cũng như các công cụ tài chính ở Việt Nam.

32. Môn học: MARKETING CĂN BẢN

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức kinh tế, xã hội cơ bản

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thị trường, sản phẩm và hành vi của người tiêu dùng; Cung cấp cho sinh viên phương pháp nghiên cứu thị trường; phương pháp định giá thương hiệu, chiến lược xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách thức tổ chức kênh phân phối và dịch vụ khách hàng; cách thức tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện và kiểm soát Marketing hàng năm.

33. Môn học: HỆ THỐNG THÔNG TIN KINH DOANH

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức thông tin và hệ thống thông tin; Cơ sở công nghệ thông tin của hệ thống thông tin; Phân tích, thiết kế cài đặt hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin phục vụ quản lý doanh nghiệp.

34. Môn học: KINH TẾ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học các môn Kinh tế học vi mô 1.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức nâng cao cho sinh viên về kinh tế học quốc tế. Trên cơ sở đó, cung cấp những kiến thức làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các môn học thuộc

lĩnh vực kinh tế đối ngoại và đề hoạch định chính sách phát triển quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam.

35. Môn học: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TRONG KINH DOANH

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất, Thống kê ứng dụng

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi của thống kê ứng dụng qua việc sử dụng các công cụ này để phân tích các bộ dữ liệu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như tình hình hoạt động của thị trường trong và ngoài nước ở lĩnh vực mà doanh nghiệp quan tâm giúp cho việc ra quyết định của các doanh nghiệp trong mọi vấn đề sẽ toàn diện và đầy đủ nhất, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro trong hoạt động. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh sử dụng đa dạng các công cụ của thống kê như bảng tần số, kiểm định giả thuyết, đồ thị, biểu đồ kiểm soát chất lượng... cũng như một số mô hình hồi quy qua các ví dụ, bộ dữ liệu gần với thực tế nhất sẽ giúp cho sinh viên thuận lợi trong việc vận dụng kiến thức của môn học cho lĩnh vực mình theo đuổi. Cuối cùng, việc sử dụng các phần mềm thông dụng trong môn học như SPSS, Stata, Python... sẽ giúp sinh viên tự tin với các yêu cầu của công việc liên quan trong tương lai.

36. Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP)

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Có kiến thức về Nguyên lý kế toán, Nguyên lý thị trường tài chính

Nội dung môn học: Môn học phát triển khuôn khổ lý thuyết cho sự hiểu biết và phân tích các vấn đề tài chính quan trọng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Môn học bao gồm các mô hình định giá cơ bản phục vụ cho việc phân tích dự án đầu tư, cơ cấu vốn và các loại vốn mà doanh nghiệp sử dụng và việc đánh giá các quyết định quản lý khác nhau và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động doanh nghiệp.

37. Môn học: KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về các môn học sau: Nguyên lý kế toán, Luật doanh nghiệp.

Nội dung môn học: Dựa trên cơ sở những khái niệm, nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản, cách thức kế toán hàng tồn kho và hoạt động mua hàng - bán hàng đã được trang bị ở Lý thuyết kế toán, Kế toán tài chính 1 tiếp tục trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp kế toán cho các khoản mục tài sản và nguồn vốn cơ bản của một Doanh nghiệp (Tiền, Các khoản phải thu và Tài sản ngắn hạn khác, Hàng tồn kho, CFSX và Thành Phẩm, TSCĐ, Bất động sản đầu tư, Nợ phải trả và VCSH). Môn học cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng cơ bản trong việc lập, trình bày và đọc BCTC đơn lẻ của một Doanh nghiệp

38. Môn học: MÔ HÌNH KINH DOANH SỐ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học căn bản

Nội dung môn học: Môn học Mô hình kinh doanh số là cầu nối giữa kinh doanh truyền thống với kinh doanh hiện đại khi nền kinh tế toàn cầu dần dịch chuyển lên môi trường số. Môn học giúp người học biết được cốt lõi hoạt động của một doanh nghiệp số, xác định được cơ hội nhờ đó mô hình kinh doanh số có thể tạo ra sự đổi mới vượt bậc trong những thị trường mới hoặc hiện hữu, đánh giá được mức độ phù hợp của những mô hình kinh doanh cụ thể, hiểu được cách thiết kế mô hình kinh doanh số và hàm ý của nó với các lĩnh vực quản trị cụ thể trong doanh nghiệp như tài chính, kế toán, thông tin quản lý, quản trị nguồn nhân lực, bán hàng, marketing... Môn học được thiết kế gồm sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, với những ví dụ sinh động từ các doanh nghiệp có thật, cùng cơ hội thực hành phân tích và thiết kế mô hình kinh doanh số cho người học.

39. Môn học: KINH TẾ LƯỢNG

Thời lượng: 03 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Định hướng của môn học nhằm trình bày một cách cơ bản cho sinh viên những nguyên tắc lý thuyết cùng những ứng dụng của kinh tế lượng, công cụ hỗ trợ của những quyết định và dự báo cho doanh nghiệp hoặc quốc gia trong tương lai.

40. Môn học: GIỚI THIỆU NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học nghiên cứu các vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế và ứng dụng kiến thức để thiết kế một hạng mục trong dự án kinh doanh quốc tế, từ đó tạo ra các sản phẩm liên quan đến hạng mục này. Ngoài ra, môn học cũng nghiên cứu các phương pháp học tập chủ động, các kỹ năng về làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp trong kinh doanh, thái độ sống tích cực và các vấn đề về đạo đức kinh doanh.

41. Môn học: KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học những kiến thức, hiểu biết cơ bản và chuyên sâu về kinh doanh quốc tế một cách đầy đủ, khoa học, có hệ thống và cập nhật ở mức độ có thể được với những thay đổi diễn ra từng ngày trong môi trường và hoạt động kinh doanh quốc tế toàn cầu.

42. Môn học: LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hiểu môn Pháp luật đại cương.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cần thiết về pháp luật hợp đồng thông qua việc phân tích pháp luật của Việt Nam trong, so sánh với pháp luật của các nước và đối chiếu với thực tiễn. Trên cơ sở đó trang bị cho người học các kỹ năng pháp lý trong việc đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh quốc tế.

43. Môn học: THANH TOÁN QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức về Chính sách tài chính quốc tế

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tỉ giá hối đoái và chính sách tỉ giá, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế, nghiệp vụ tài trợ ngoại thương và hoạt động bảo lãnh của ngân hàng liên quan hoạt động xuất nhập khẩu. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kỹ năng thực hành các nghiệp vụ liên quan đến thanh toán quốc tế: thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, các nghiệp vụ tài trợ trong ngoại thương, bảo lãnh ngân hàng liên quan xuất nhập khẩu, bảo hiểm nguồn tiền xuất nhập khẩu,...

44. Môn học: CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Đã có kiến thức Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp các lý thuyết, mô hình cơ bản trong lĩnh vực tài chính quốc tế và chính sách tài chính quốc tế trong nền kinh tế mở. Sau khi học môn học người học có thể hiểu, phân tích, đánh giá được các chính sách liên quan tới lĩnh vực tài chính quốc tế như: chính sách tỉ giá, chính sách tiền tệ, chính sách thương mại, của một quốc gia.

45. Môn học: QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Có kiến thức nền tảng về Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên nắm được các khái niệm liên quan đến Logistics, quản trị Logistics, ứng dụng logistics trong hoạt động kinh doanh toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Kết thúc môn học sinh viên nắm được việc thiết kế, điều hành hoạt động, kiểm tra kiểm soát chuỗi Logistics trong hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu.

46. Môn học: THẨM ĐỊNH & QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học và thi môn Nguyên lý kế toán, Quản trị học căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trình bày các kiến thức cơ bản và nâng cao về lý thuyết và những ứng dụng thực tế của việc thẩm định & quản trị dự án đầu tư. Môn học sẽ được chia thành hai phần chính. Phần thứ nhất của môn học sẽ đề cập đến việc thẩm định dự án đầu tư, đặc biệt chú trọng về mặt tài chính của một dự án đầu tư; phần thứ hai của môn học sẽ tập trung vào việc quản trị dự án đầu tư.

47. Môn học: QUẢN TRỊ MUA HÀNG TOÀN CẦU

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Đã học và thi môn Quản trị chuỗi cung ứng

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên cách tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động doanh nghiệp; Xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng, hướng

dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; Đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp chiến lược; Đánh giá và phát triển đội ngũ nhân viên mua hàng để đảm bảo các nguồn lực được sử dụng hiệu quả đáp ứng tiến độ công việc và mục tiêu đề ra; Phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể; Kiểm soát ngân sách của bộ phận mua hàng.

48. Môn học: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÔNG TY ĐA QUỐC GIA

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học qua một số môn học khác có liên quan như Nguyên lý kế toán, tài chính quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học này bao gồm các vấn đề về quản trị tài chính của công ty đa quốc gia. Đó là các vấn đề như: Tổng quan về tài chính công ty; môi trường tài chính quốc tế; Công ty đa quốc gia và vấn đề quản trị tài chính quốc tế; Quản trị rủi ro hối đoái; Quản trị tài sản lưu động; Quản trị hệ thống tài chính đa quốc gia; Quản trị thuế quốc tế; Lập kế hoạch chiến lược toàn cầu.

49. Môn học: NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên cần được trang bị kiến thức của các môn Marketing căn bản.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu thị trường, các phương pháp nghiên cứu thị trường trong hoạt động sản xuất-kinh doanh của doanh nghiệp, áp dụng các phương pháp khảo sát, điều tra, thu thập dữ liệu, xử lý số liệu, trình bày, giải thích kết quả nghiên cứu thị trường, trên cơ sở kết quả nghiên cứu đưa ra các chiến lược marketing và kinh doanh phù hợp...

50. Môn học: ĐÀM PHÁN KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 03 tín chỉ

Môn học tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học đàm phán kinh doanh doanh trang bị cho sinh viên chuyên ngành kinh tế đối ngoại những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp luận, kỹ năng về đàm phán kinh doanh với các nội dung: các kỹ thuật và kỹ năng đàm phán kinh doanh, nhận thức và hiểu biết sâu sắc về nghệ thuật đàm phán.

51. Môn học: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học xong Thống kê ứng dụng.

Nội dung môn học: Môn học được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập

tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.

52. Môn học: LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức nền tảng về pháp luật sở hữu trí tuệ; các quy định pháp luật cụ thể về quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, luật bằng sáng chế, bản quyền, nhãn hiệu và bí mật thương mại (và các lĩnh vực khác liên quan đến SHTT của nhà nước), cũng như một số tranh cãi nổi bật trong luật sở hữu trí tuệ, bao gồm bảo vệ bằng sáng chế cho phần mềm và các phương thức kinh doanh.

53. Môn học: ĐE DOA TỪ KHÔNG GIAN MẠNG VÀ TOÀN CẦU HOÁ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học được thiết kế cho sinh viên nghiên cứu về bản chất và mối đe dọa hiện hữu của cuộc chiến thông tin ngày nay. Nó giải thích các khái niệm, cũng như mô tả các mối đe dọa gây ra cho mọi người bởi các cá nhân bất mãn, những kẻ tấn công, tội phạm, khủng bố và thể lực thù địch. Môn học cũng trang bị những kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin, các kiểu sự cố và tấn công an ninh mạng cơ bản, các phương pháp để ngăn chặn, phát hiện và phản ứng với các sự cố và tấn công.

54. Môn học: VẬN TẢI VÀ BẢO HIỂM QUỐC TẾ.

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và nghiệp vụ về vận tải quốc tế bằng đường biển, đường hàng không, vận tải đa phương thức và Logistics. Song song đó là các Công ước quốc tế, các nguồn luật quốc tế và Việt Nam điều chỉnh các mối quan hệ trong các phương thức vận tải trên. Trong phần Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về bảo hiểm; các điều kiện bảo hiểm của Hiệp hội bảo hiểm London và của Công ty bảo hiểm Việt Nam.

55. Môn học: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN SỰ QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức các môn học: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và quản trị học căn bản.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp những kiến thức, công cụ và kinh nghiệm trong công tác quản lý nhân sự nói chung và công tác quản lý nhân sự công ty đa quốc gia. Sau khóa học, sinh viên có thể phát triển kỹ năng về xây dựng và thực hiện các hệ thống chính sách và hoạt động quản lý nhân sự hiệu quả nhằm hỗ trợ cho quá trình thực hiện những mục tiêu của tổ chức.

56. Môn học: MARKETING QUỐC TẾ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học môn marketing căn bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho người học những kiến thức marketing đủ để có thể kinh doanh trên thị trường quốc tế, thị trường toàn cầu, cụ thể: người học biết được cách thức đánh giá và lựa chọn các cơ hội thị trường thế giới và cách thức xâm nhập thị trường thế giới, đồng thời vạch ra các chiến lược và kế hoạch marketing hỗn hợp ở thị trường xuất khẩu cụ thể và trên phạm vi thị trường toàn cầu.

57. Môn học: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải có kiến thức tin học cơ bản (đặc biệt là có khả năng sử dụng Internet và Email) và trình độ tiếng Anh cơ bản. Ngoài ra, sinh viên đã có những kiến thức ở các môn học khác như Marketing cơ bản, Quản trị học cơ bản.

Nội dung môn học: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và tổng quan về TMĐT, ví dụ như hiểu được TMĐT là gì, các mô hình TMĐT, cơ hội và nguy cơ, rủi ro khi ứng dụng TMĐT,...

58. Môn học: QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị xuất nhập khẩu, gồm các nội dung chủ yếu như sau: Hoạch định chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu; Đàm phán hợp đồng xuất nhập khẩu; Soạn thảo hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và tổ chức thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu.

59. Môn học: QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức quản trị học.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến bản chất của văn hoá, tính nhạy cảm của văn hoá trong kinh doanh; các tiêu chí đo lường sự khác biệt văn hoá, tìm hiểu sự khác biệt văn hoá kinh doanh giữa các quốc gia khác nhau, hiểu về văn hoá công ty và sự đa dạng văn hoá trong công ty; hiểu về giao tiếp và động viên trong bối cảnh đa văn hoá.

60. Môn học: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên có kiến thức các môn học kinh tế nền tảng, quản trị học.

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho người học các khái niệm chiến lược kinh doanh và môi trường kinh doanh, từ đó có thể ứng dụng để thiết lập, thực hiện, đánh giá và kiểm soát được chiến lược trong hoạt động thực tiễn cho một công ty, nhằm tối thiểu hoá chi phí và tối đa hoá lợi nhuận.

61. Môn học: QUẢN LÝ KHO HÀNG & PHÂN PHỐI

Thời lượng: 3 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Đã học và thi môn Quản trị chuỗi cung ứng

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kho hàng: đặc điểm, phân loại nguyên tắc thiết kế, nguyên tắc phân chia kho, các phương tiện sử dụng trong kho; quản trị tồn kho và hệ thống phân phối trong doanh nghiệp.

62. Môn học: KIẾN TẬP

Thời lượng: 02 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học giúp sinh viên cơ hội quan sát một hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, rèn luyện kỹ năng tư duy phân tích, tư duy sáng tạo để phát triển bản thân và kỹ năng nghề nghiệp giúp nâng cao cơ hội việc làm ở các doanh nghiệp mong đợi.

63. Môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Kiến tập & tích lũy được tối thiểu 100 tín chỉ của chương trình đào tạo.

Nội dung môn học: Thực tập tốt nghiệp là yêu cầu bắt buộc của chương trình. Đây là thời gian sinh viên được tiếp cận với môi trường kinh doanh tại công ty lựa chọn. Thực tập giúp sinh viên làm quen với những nghề nghiệp và tham gia vào quá trình lao động, đồng thời áp dụng kiến thức và kỹ năng đã được trang bị trong chương trình và đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

64. Môn học: KHỞI NGHIỆP KINH DOANH QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung môn học: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khởi nghiệp giúp sinh viên khởi nghiệp thành công trong môi trường kinh doanh quốc tế. Phần đầu môn học bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng kinh doanh và kiểm tra tính khả thi của ý tưởng kinh doanh. Khi ý tưởng được phát triển, sinh viên được tiếp cận việc lựa chọn mô hình kinh doanh, tìm kiếm khách hàng tiềm năng, quy mô thị trường, định giá sản phẩm, xác định đối thủ cạnh tranh và chiến lược cạnh tranh, phân phối, tìm nhà đầu tư, phát triển sản phẩm mẫu, và nhiều khía cạnh khác của một công ty khởi nghiệp..

65. Môn học: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Thời lượng: 2 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học một số môn học khác có liên quan như Nguyên lý kế toán, Chính sách tài chính quốc tế, Kinh tế học quốc tế.

Nội dung môn học: Môn học nhằm cung cấp kiến thức lý luận và thực tiễn cho người học về hoạt động đầu tư quốc tế trên thế giới và tại Việt Nam; các nội dung về khái niệm, đặc điểm, các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế, đặc biệt tập trung vào hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài với những vấn đề như xu hướng đầu tư, các tác động của hoạt động đầu tư, kỹ thuật đầu tư quốc tế.

66. Môn học: KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

Thời lượng: 4 tín chỉ

Điều kiện tiên quyết: Sinh viên hoàn thành xong Thực tập tốt nghiệp.

Nội dung môn học: Khóa luận tốt nghiệp là học phần cuối cùng để nhận bằng cử nhân, thường được tổ chức vào học kỳ 8 hoặc có thể sớm hơn. Khóa luận tốt nghiệp là việc vận dụng cơ sở lý thuyết để nghiên cứu, nhận xét, đánh giá và tìm ra hướng giải quyết một vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp hoặc của nền kinh tế. Sinh viên phải hoàn thành báo cáo khóa luận và bảo vệ trước hội đồng. Khóa luận được thực hiện bởi sinh viên dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên trong một đề tài nghiên cứu nhất định liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

14. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

14.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

T T	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học, học phần giảng dạy
1	Huỳnh Thị Thúy Giang	1976	Tiến sỹ Tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 11 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành)
2	Lê Tuấn Lộc	1970	Tiến sỹ Kinh tế thế giới	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Chính sách tài chính quốc tế (Chuyên ngành)
3	Trần Văn Đức	1972	Tiến sỹ Kinh tế thế giới	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Kinh tế đối ngoại (Chuyên ngành)
4	Trần Thanh Long	1973	Tiến sỹ Ngoại thương	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành)
5	Lưu Tiến Dũng	1988	Tiến sỹ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Khởi nghiệp KDQT (Môn chuyên đề)

6	Trần Thiện Trúc Phụng	1974	Thạc sỹ Kinh tế phát triển	Đại học Kinh tế - Luật: 13 năm	Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Chuyên ngành)
7	Hoàng Lâm Cường	1973	Tiến Sỹ Kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
8	Nguyễn Hoàng Dũng	1974	Tiến sỹ SCM, logistics	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành) Quản trị mua hàng toàn cầu (Chuyên ngành) Quản lý kho hàng & phân phối (Chuyên ngành)
9	Ngô Thanh Trà	1983	Thạc sỹ Kinh tế học tài chính	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Chuyên ngành)
10	Nguyễn Thị Nguyệt Quế	1974	Tiến sỹ Kinh tế	Đại học Kinh tế - Luật: 12 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
11	Nguyễn Duy Quang	1979	Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm	Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành) Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
12	Đào Thị Ngọc	1987	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 9 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Kinh tế đối ngoại (Chuyên ngành)
13	Nguyễn Thị Diệu Hiền	1988	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 8 năm	Đầu tư quốc tế (Môn chuyên đề) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành) Giới thiệu ngành KDQT (Chuyên ngành)
14	Nguyễn Văn Nền	1989	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Giới thiệu ngành KDQT (Chuyên ngành) Chính sách tài chính quốc tế (Chuyên ngành)
15	Nguyễn Công Hòa	1986	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Marketing quốc tế (Chuyên ngành)

16	Phạm Ngọc Ý	1989	Thạc sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 7 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
17	Chung Từ Bảo Như	1987	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Đại học Kinh tế - Luật: 4 năm	Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành) Quản trị mua hàng toàn cầu (Chuyên ngành) Kỹ năng học thuật (Chuyên ngành) Quản lý kho hàng & phân phối (Chuyên ngành)
18	Phùng Tuấn Thành	1985	Thạc sỹ tài chính ngân hàng	Đại học Kinh tế - Luật: 4 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành) Lập & Thẩm định dự án đầu tư (Chuyên ngành) Đầu tư quốc tế (Môn chuyên đề)
19	Mai Thị Cẩm Tú	1981	Tiến sỹ Kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm	Quản trị xuất nhập khẩu (Chuyên ngành) Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành)
20	Nguyễn Thị Phương Linh	1987	Thạc sỹ Nghiên cứu thị trường	Đại học Kinh tế - Luật: 3 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Khởi nghiệp KDQT (Môn chuyên đề)
21	Hoàng Thị Quế Hương	1983	Thạc sỹ Kinh doanh quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 5 năm	Kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành) Kỹ năng học thuật (Chuyên ngành)
22	Trương Kim Hương	1985	Thạc sỹ Kinh tế thế giới & Quan hệ kinh tế quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 2 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Thanh toán quốc tế (Chuyên ngành)
23	Hà Minh Trường	1992	Thạc sỹ Quan hệ quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
24	Nguyễn Thị Gấm	1990	Thạc sỹ Kinh tế phát triển và quốc tế	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành)
25	Ngô Quỳnh Trang	1997	Thạc sỹ tài chính ngân hàng	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Chuyên ngành)

26	Hoàng Ngọc Hiếu	1985	Thạc sỹ Kinh tế học	Đại học Kinh tế - Luật: 1 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành)
----	-----------------	------	---------------------	-------------------------------	-------------------------------

14.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Kinh nghiệm giảng dạy	Môn học, học phần giảng dạy
1	Đào Minh Hồng	1961	Tiến sỹ Lịch sử thế giới		Quan hệ quốc tế (Chuyên ngành)
2	Hoàng Vĩnh Long	1972	Tiến sỹ Kinh tế thế giới	Đại học Kinh tế - Luật: 10 năm	Kinh tế quốc tế (Cơ sở ngành) Đàm phán kinh doanh quốc tế (Chuyên ngành)
3	Trần Nam Tiến	19	Thạc sỹ Lịch sử thế giới		Địa chính trị thế giới (Chuyên ngành)
4	Hoàng Hồng Hạnh	1988	Thạc sỹ Quản trị chuỗi cung ứng		Quản trị chuỗi cung ứng (Chuyên ngành)
5	Nguyễn Mạnh Cường	1987	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh		Quản trị nguồn nhân lực quốc tế (Chuyên ngành)
6	Đinh Tấn Đạt	1988	Thạc sỹ Quản lý kinh tế		Vận tải và bảo hiểm quốc tế (Chuyên ngành)

15. Danh sách cố vấn học tập

- | | |
|-------------------------------|-----------------------------|
| - TS. Trần Văn Đức | - ThS. Nguyễn Công Hòa |
| - TS. Trần Thanh Long | - ThS. Ngô Thanh Trà |
| - TS. Mai Thị Cẩm Tú | - ThS. Đào Thị Ngọc |
| - TS. Nguyễn Thị Nguyệt Quế | - ThS. Nguyễn Thị Diệu Hiền |
| - TS. Lưu Tiến Dũng | - ThS. Nguyễn Văn Nền |
| - ThS. Chung Từ Bảo Như | - ThS. Phùng Tuấn Thành |
| - ThS. Trần Thiện Trúc Phương | - ThS. Phạm Ngọc Ý |
| - ThS. Nguyễn Hoàng Dũng | - ThS. Hà Minh Trường |
| - ThS. Nguyễn Thị Phương Linh | - ThS. Trương Kim Hương |
| - ThS. Nguyễn Thị Gấm | - ThS. Ngô Quỳnh Trang |
| - ThS. Hoàng Lâm Cường | - ThS. Hoàng Ngọc Hiếu |
| - ThS. Nguyễn Duy Quang | |

16. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:**16.1 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính:**

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng máy 1	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
2	Phòng máy 2	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
3	Phòng máy 3	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
4	Phòng máy 4	KP3, P.Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	

16.2 Thư viện

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Thư viện Trung tâm Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

16.3 Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên môn học	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Triết học Mác – Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng HCM	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản VN	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2020
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình CNXH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
5	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục & Đào tạo	NXB CTQG Hà Nội	2019
6	Văn hóa học	Giáo trình Văn hoá học đại cương	GS. Trần Quốc Vượng	NXB KHXH	1996
7	Xã hội học	Giáo trình xã hội học đại cương	ThS. Tạ Minh	NXB ĐHQG TP.HCM	2007
8	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Giáo trình cơ sở văn hóa Việt Nam	GS. Trần Quốc Vượng	NXB KHXH	2006
9	Địa chính trị thế giới	Địa chính trị thế giới	Nguyễn Thị Quế, Ngô Thuý Hiền	NXB Văn hoá TT	2014
10	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế: Những khía cạnh lý thuyết và vấn đề	Nguyễn Quốc Hùng & Hoàng Khắc Nam	NXB CTQG, Hà Nội	2006

11	Lịch sử văn minh thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	NXB GD	1998
12	Tâm lý học	Psychology	David G. Myers	Worth Publishers	2015
13	Nhập môn giao tiếp	Business Communication: Process and Product	Mary Ellen Guffey	South-Western College Pub	2014
14	Nhân học đại cương	Giáo trình Nhân học đại cương	Khoa Nhân học, ĐH KHXH & NV	NXB ĐHQG TP.HCM	2016
15	Kỹ năng làm việc nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm	TS. Huỳnh Văn Sơn	NXB Trẻ	2014
16	Nghệ vụ hành chính văn phòng	Giáo trình quản trị văn phòng	GS. TS. Nguyễn Thành Độ (Chủ biên)	NXB ĐH KTQD	2012
17	Lý luận nhà nước và pháp luật	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	GS. TS. Hoàng Thị Kim Quế	NXB ĐHQG HN	2018
18	Luật doanh nghiệp	Luật kinh tế	Phạm Duy Nghĩa	ĐHQG HN	2003
19	Logic học	Logic học đại cương	TS. Nguyễn Như Hải	NXB GD	2015
20	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	Digital Transformation: Build Your Organization's Future for the Innovation Age	Lindsay Herbert	Bloomsbury Business	2017
21	Chuyển đổi số & Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence for Business: What You Need to Know about Machine Learning and Neural Networks	Doug Rose	Chicago Lakeshore Press	2018
22	Kinh tế số	The Oxford Handbook of the Digital Economy	Peitz, M., & Waldfogel, J.	Oxford University Press	2012
23	Kinh tế học vi mô 1	Microeconomics	David Begg, Stanley Fischer	Statistics Publisher	2013
24	Kinh tế học vĩ mô 1	Macroeconomics	Gregory Mankiw	Statistics Publisher	2013
25	Quản trị học căn bản	Fundamentals of Management: Management Myths Debunked.	Robbins S.P., Coulter M. & Decenzo D.A	Pearson Education	2017

26	Toán cao cấp	Mathematics for Economics and Business, 9th edition.	Ian Jacques	Pearson Education Limited	2018
27	Toán cao cấp	Giáo trình Toán cao cấp	PGS. TS. Lê Anh Vũ (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2015
28	Lý thuyết xác suất	Giáo trình Lý thuyết xác suất	TS. Phạm Hoàng Uyên (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2015
29	Thống kê ứng dụng	Statistics for Business and Economics: 11th ed	Anderson, Sweeney & Williams	South-Western Cengage Learning	2010
30	Nguyên lý kế toán	Fundamentals of accounting principles	John J. Wild, Kermit D Larson, Barbara Chiappetta	McGraw Hill	2015
31	Nguyên lý thị trường tài chính	Economics of Money, Banking and Financial Markets", 11th ed	Frederic S. Mishkin	Pearson	2014
32	Marketing căn bản	Marketing căn bản	Phan Đình Quyền, Trần Thị Ý Nhi, Võ Thị Ngọc Trinh	NXB ĐHQG TP.HCM	2013
33	Marketing căn bản	Principle of Marketing: 17th ed	Kotler P. & Armstrong	Pearson	2019
34	Hệ thống thông tin kinh doanh	Integrated Business Processes with ERP	Simha R. Magal	Wiley	2011
35	Kinh tế quốc tế	International Economics: Theory and Policy, 11th ed	Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld	Pearson	2018
36	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	Business Analytics: Methods, Models and Decisions, 2nd ed	James R. Evans	Pearson	2014
37	Quản trị tài chính (Tài chính doanh nghiệp)	Fundamentals of financial Management: 12th ed	Brigham & Houston	Cengage Learning	2009
38	Kế toán tài chính	Financial Accounting: 3rd ed	Weygandt, Kimmel & Kieso	Wiley	2015

39	Mô hình kinh doanh số	Digital Business Models Concepts, Models, and the Alphabet Case Study	Bernd W. Wirtz	Springer	2019
40	Kinh tế lượng	Essentials of Econometrics: 4th ed	Gujarati	McGraw Hill	2010
41	Giới thiệu ngành KDQT	Giới thiệu ngành Kinh doanh quốc tế	TS. Huỳnh Thị Thuý Giang (Chủ biên)	NXB ĐHQG TP.HCM	2018
42	Kinh doanh quốc tế	International Business: Competing in the Global Marketplace, 8 th Ed	Charles W. L. Hill	McGraw Hill	2011
43	Luật thương mại QT	Luật thương mại quốc tế	Mai Hồng Quỳ, Trần Việt Dũng	NXB ĐHQG TP.HCM	2012
44	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế	GS. Đinh Xuân Trình	NXB LĐ-XH	2006
45	Thanh toán quốc tế	Giáo trình Thanh toán quốc tế & Tài trợ ngoại thương	GS.TS Nguyễn Văn Tiến	NXB ĐH KTQD	2021
46	Chính sách tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế	PGS. TS. Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	2010
47	Quản trị chuỗi cung ứng	Essentials of Supply Chain Management, 4th ed	Michael H. Hugos	Wiley	2018
48	Thẩm định và Quản trị ĐAĐT	A Guide to the Project Management Body of Knowledge (PMBOK® Guide), 7th ed	Project Management Institute		2021
49	Thẩm định và Quản trị ĐAĐT	Cost-Benefit Analysis for Investment Decisions	Jenkins, Glenn & Harberger, Arnold	Havard Institute for International Development	2019
50	Quản trị mua hàng toàn cầu	Global Procurement & Sourcing	Victor H. Pooler	McGraw Hill	2013
51	Quản trị tài chính công ty ĐQG	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	Huỳnh Thị Thuý Giang	NXB ĐHQG TP.HCM	2013
52	Nghiên cứu thị trường	Marketing Research, 8th ed	Tom J. Brown	Cengage Learning	2014

53	Đàm phán kinh doanh quốc tế	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Thống kê	2006
54	Đàm phán kinh doanh quốc tế	Negotiation, 7th ed	Roy Lewicki and David Saunders and Bruce Barry	McGraw Hill	2015
55	Phương pháp nghiên cứu KH	Phương pháp nghiên cứu khoa học	GS.TS. Nguyễn Thị Cảnh	ĐHQG-HCM	2007
56	Luật sở hữu trí tuệ	Giáo trình Pháp Luật sở hữu trí tuệ	PGS. TS. Trần Văn Nam; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	NXB ĐH KTQD	2018
57	Đe dọa từ không gian mạng và toàn cầu hoá	The cyber threat and globalization	Jack Jarmon, Pano Yannakogeorgos	Rowman & Littlefield Publishers	2018
58	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	Giao nhận vận tải và bảo hiểm	Đỗ Quốc Dũng, Trần Hoàng Giang, Nguyễn Thành Long	NXB Giao thông vận tải	2015
59	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	International Cargo Insurance	John Dunt	Routledge	2012
60	Quản trị nhân sự quốc tế	International Human Resource Management, 7th ed	Peter Dowling	Cengage Learning	2017
61	Marketing quốc tế	International Marketing, 15th ed	Philip R. Cateora	McGraw Hill	2019
62	Thương Mại Điện Tử	E-Commerce	Kenneth C. Laudon	Pearson	2016
63	Quản trị xuất nhập khẩu	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	ThS. Trần Huỳnh Thúy Phụng	NXB Thống kê	2009
64	Quản trị đa văn hoá	International Management: Culture, Strategy and Behavior, 8th ed	Luthans, Fred & Jonathans, P. Doh	McGraw Hill	2012
65	Quản trị chiến lược	Crafting & Executing Strategy: The Quest for Competitive Advantage - Concepts & Cases: 18th ed	Thompson A.A.	McGraw Hill	2012

66	Quản trị kho hàng và phân phối	Warehouse Management: A Complete Guide to Improving Efficiency and Minimizing Costs in the Modern Warehouse, 3rd ed	Gwynne Richards	Kogan page Ltd	2018
67	Quản trị kho hàng và phân phối	The Handbook of Logistics and Distribution Management: Understanding the Supply Chain, 6th ed	Alan Rushton, Phil Croucher	Kogan page Ltd	2017
68	Đầu tư quốc tế	International Finance: An Analytical Approach	Moosa, I. A.	McGraw Hill	2010
69	Khởi nghiệp Kinh doanh quốc tế	Entrepreneurship, 10th ed	Kuratko	Cengage Learning	2017

17. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).
- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.
- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.
- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.
- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

TRƯỜNG KHOA



TS. HUỖNH THỊ THUÝ GIANG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS NGUYỄN TIẾN DŨNG

